

338.959 775

ĐC

T 104 CH

AN TỈNH ĐỒNG NAI



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ IX ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI

8 CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

ĐỒNG NAI, THÁNG 02 NĂM 2012

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ IX ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI

**8 CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG NAI
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

2015/ĐC/VV 001068

ĐỒNG NAI, THÁNG 02 NĂM 2012

MỤC LỤC

Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 14/9/2011 về tổ chức triển khai thực hiện 08 chương trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015.....trang 05

Văn bản 6260/UBND-TH ngày 14/9/2011 phân công Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, theo dõi 08 chương trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015.....trang 09

Chương trình 01

Phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2011 - 2015

Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 13/9/2011 phê duyệt Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015.....trang 12

Chương trình 02

Bảo vệ môi trường giai đoạn 2011 - 2015

Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 01/9/2011 ban hành Chương trình bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015.....trang 40

Quyết định đính chính số 2311/QĐĐC-UBND ngày 15/9/2011 đính chính Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 01/9/2011 ban hành Chương trình bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015.....trang 110

Chương trình 03

Phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2015

Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 phê duyệt Chương trình tổng thể đào tạo phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015.....trang 112

Chương trình 04

Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 2011 - 2015

Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015.....trang 158

Chương trình 05

Phát triển các ngành dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015

Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 12/10/2011 phê duyệt Chương trình phát triển dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015.....trang 186

Chương trình 06

Phát triển nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015

Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 ban hành Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.....trang 252

Chương trình 07

Phát triển các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực giai đoạn 2011 - 2015

Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 ban hành Chương trình phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015.....trang 288

Chương trình 08

Hỗ trợ các đơn vị doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; Bảo hộ sở hữu trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015

Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 ban hành Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011 - 2015.....trang 328

Số: 24/CT-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 9 năm 2011

CHỈ THỊ

Về tổ chức triển khai thực hiện 08 chương trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX nhằm huy động cao độ mọi nguồn lực, xây dựng Đồng Nai thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa, hiện đại hóa. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị chủ trì xây dựng 08 chương trình phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 - 2015. Để việc triển khai thực hiện 08 chương trình phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015 đạt kết quả tốt, UBND tỉnh chỉ đạo như sau:

1. Giao Giám đốc các sở, ngành chủ trì 08 chương trình (chủ trì) phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 chủ động, phối hợp với Giám đốc các sở, ngành, đơn vị liên quan; Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã Long Khánh, TP. Biên Hòa tổ chức triển khai thực hiện các chương trình theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

2. Chủ trì 08 chương trình căn cứ nội dung phân kỳ của từng chương trình để xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm (giai đoạn 2011 - 2015), kết hợp báo cáo hàng tháng, quý, 06 tháng, 09 tháng và năm về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội để báo cáo kết quả thực hiện 08 chương trình gửi về Sở Kế hoạch - Đầu tư và văn phòng UBND tỉnh tổng hợp. Đồng thời, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành chủ trì 08 chương trình phối hợp chặt chẽ với cơ quan, đơn vị truyền thông, Ban Tuyên giáo, báo, đài, thực hiện công tác tuyên truyền sâu rộng nội dung 08 chương trình đến toàn thể cán bộ công chức các cấp, các địa phương và toàn thể nhân dân, đồng thời theo dõi và giám sát quá trình thực hiện.

3. Mỗi năm (2011 - 2015) theo tiến độ xây dựng kế hoạch hàng năm chủ trì 08 chương trình tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực

hiện, đề xuất Tỉnh ủy và UBND tỉnh xem xét chỉ đạo thực hiện. Báo cáo đánh giá kết quả năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Tỉnh ủy, Cục Thống kê và Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp.

4. Để phục vụ nội dung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện giữa nhiệm kỳ tỉnh Đảng bộ khóa IX, UBND tỉnh giao chủ trì 08 chương trình tổng hợp nội dung đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Tỉnh ủy, Cục Thống kê và Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp.

5. Nhằm phục vụ nội dung báo cáo đánh giá thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần IX nhiệm kỳ 2010 - 2015; UBND tỉnh giao chủ trì 08 chương trình tổng hợp nội dung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2010 - 2015, trong đó chú ý đánh giá những tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và các đề xuất giải pháp cho từng chương trình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Tỉnh ủy, Cục Thống kê và Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp.

6. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị chủ trì 08 chương trình để đôn đốc, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo chế độ báo cáo tháng, quý 06 tháng, 09 tháng và năm; tham mưu tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo chỉ đạo tại Điểm 4 & 5 nêu trên. Đồng thời, chủ động, phối hợp với Sở Tài chính, chủ trì 08 chương trình và các đơn vị liên quan để khai thác, huy động các nguồn vốn thực hiện các chương trình.

7. Giao trách nhiệm Cục Thống kê phối hợp với chủ trì 08 chương trình tổng hợp số liệu chỉ tiêu của 08 chương trình - lượng hóa số liệu, so sánh đối chiếu, đánh giá kết quả thực hiện 08 chương trình với các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2011 - 2015 và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần IX nhiệm kỳ 2010 - 2015, phục vụ đánh giá giữa nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ Đại hội tỉnh Đảng bộ lần IX.

8. Giao chủ trì 08 chương trình chủ động, tích cực và trách nhiệm trong việc phối hợp ngành địa phương và bộ ngành Trung ương, doanh nghiệp và đơn vị đầu tư nước ngoài để huy động nguồn vốn phục vụ có hiệu quả chương trình, chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư vốn cho các dự án trong chương trình, xây dựng dự án khả thi để có thể kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước. UBND tỉnh ghi nhận kết quả huy động vốn và

kết quả thực hiện chương trình làm thành tích thi đua trong quá trình thực hiện chương trình.

9. Giao Sở Tài chính phối hợp chủ trì 08 chương trình để có kế hoạch kinh phí đưa vào cân đối ngân sách hàng năm, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.

10. Về khai thác huy động vốn, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Tài chính, chủ trì 08 chương trình và đơn vị liên quan tiến hành xây dựng kế hoạch khai thác các nguồn vốn cho từng chương trình để bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương. Về sử dụng vốn, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, chủ trì 08 chương trình và đơn vị liên quan tiến hành rà soát kế hoạch sử dụng vốn có hiệu quả, định kỳ có kiểm tra kiểm soát nội dung chi tiêu đúng mục đích của các chương trình; báo cáo đề xuất UBND tỉnh tính hiệu quả việc sử dụng vốn cho từng chương trình.

11. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thống kê và chủ trì 08 chương trình để thống kê tiến độ thực hiện báo cáo theo chỉ đạo UBND tỉnh để tính điểm thi đua hàng năm và 05 năm 2011 - 2015 báo cáo UBND tỉnh và Tỉnh ủy.

12. Chủ tịch UBND tỉnh phân công các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối, chỉ đạo theo dõi 08 chương trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015, đồng thời, giao chủ trì 08 chương trình và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, TP. Biên Hòa và đơn vị liên quan, phản ánh báo cáo tham mưu với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý các vấn đề liên quan trong quá trình triển khai thực hiện giai đoạn 2011 - 2015.

Thực hiện 08 chương trình phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 - 2015 là chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XI là khâu then chốt, cần được sự thống nhất cao về ý chí và hành động của cả hệ thống chính trị, chính quyền.

UBND tỉnh kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy Đảng quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện; đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai vận động các đoàn thể quan tâm hỗ trợ thực hiện; đề nghị các Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai

và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi kiểm tra giám sát kết quả thực hiện các chương trình.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở, ngành chủ trì 08 chương trình, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, TP. Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo xử lý./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Quốc Thái

Số: 6260/UBND-TH

Đồng Nai, ngày 14 tháng 9 năm 2011

V/v: Phân công Chủ tịch,
các Phó Chủ tịch UBND tỉnh
chỉ đạo theo dõi 08 chương trình
phát triển KTXH giai đoạn 2011 - 2015.

Kính gửi: - Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Nông
nghiệp và PTNT, Nội vụ, Khoa học - Công nghệ,
Tài nguyên - Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư.
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh,
TP. Biên Hòa.

Thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại
hội tỉnh Đảng bộ IX nhiệm kỳ 2010 - 2015 đạt hiệu quả cao, Chủ tịch
UBND tỉnh phân công các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo theo dõi
08 chương trình phát triển KTXH giai đoạn 2011 - 2015:

TT	Tên chương trình	Đơn vị chủ trì và triển khai thực hiện	Lãnh đạo UBND tỉnh
01	Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2011 - 2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đ/c Đinh Quốc Thái - Chủ tịch UBND tỉnh
02	Chương trình bảo vệ môi trường giai đoạn 2011 - 2015	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đ/c Đinh Quốc Thái - Chủ tịch UBND tỉnh
03	Chương trình phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2015	Sở Nội vụ	Đ/c Nguyễn Thành Trí - Phó Chủ tịch UBND tỉnh

04	Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 2011 - 2015	Sở Công Thương	Đ/c Phan Thị Mỹ Thanh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
05	Chương trình phát triển các ngành dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015	Sở Công Thương	Đ/c Phan Thị Mỹ Thanh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
06	Chương trình phát triển nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đ/c Trần Văn Vĩnh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
07	Chương trình phát triển các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực 2011 - 2015	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đ/c Trần Văn Vĩnh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
08	Chương trình hỗ trợ các đơn vị doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; bảo hộ sở hữu trí tuệ 2011 - 2015	Sở Khoa học và Công nghệ	Đ/c Trần Văn Vĩnh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh

Giao trách nhiệm chủ trì 08 chương trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, TP. Biên Hòa và đơn vị liên quan, phản ánh báo cáo tham mưu với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý các vấn đề liên quan trong quá trình triển khai thực hiện giai đoạn 2011 - 2015.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đình Quốc Thái

**Chương trình 1:
Phát triển kết cấu hạ tầng
giai đoạn 2011 - 2015**

**Đơn vị chủ trì và triển khai thực hiện:
Sở Kế hoạch và Đầu tư**

**UBND tỉnh phân công Lãnh đạo theo dõi, chỉ đạo chương trình:
Đ/c Đinh Quốc Thái - Chủ tịch UBND tỉnh**

Số: 2264/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật
tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 188/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 05 năm 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1558/SKHĐT-XDCB ngày 29/8/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình “Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015”.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các ngành, đơn vị liên quan và các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Biên Hòa, các đơn vị chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Phan Thị Mỹ Thanh

CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2264/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 9 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

Để đảm bảo thực hiện tốt việc phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết tỉnh Đảng bộ 05 năm 2011 - 2015 đồng thời tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển trong giai đoạn 2015 - 2020, việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật là vô cùng quan trọng và bức thiết, tập trung vào các lĩnh vực chính là hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống bưu chính viễn thông, hệ thống cấp điện, hệ thống giao thông vận tải và hệ thống hạ tầng khác được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách các cấp, các nguồn vốn hỗ trợ và huy động khác.

Căn cứ tình hình thực hiện Chương trình Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 - 2010 và nhu cầu đầu tư của các ngành, các địa phương giai đoạn 2011 - 2015; UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Chương trình Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

A. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 - 2010:

I. Kết quả thực hiện chung đối với các lĩnh vực hạ tầng:

Tổng nguồn vốn đã đầu tư đến hết năm 2010 đạt 18.287,91 tỷ đồng đạt 56% so với kế hoạch của chương trình trong 05 năm, cụ thể như sau:

1. Về tổng vốn đầu tư cho các lĩnh vực: Tổng số 18.287,91 tỷ đồng, gồm:

- Hệ thống giao thông: 3.762,08 tỷ đồng đạt 31,48% kế hoạch.
- Hệ thống cấp điện: 9.498 tỷ đồng đạt 369,89% kế hoạch.

- Hệ thống cấp nước: 1.125,51 tỷ đồng đạt 50,66% kế hoạch.

- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải: 503,44 tỷ đồng đạt 9,64% kế hoạch.

- Khu xử lý chất thải rắn, hạ tầng khác: 2.444,40 tỷ đồng đạt 30,48% kế hoạch.

- Hệ thống thông tin liên lạc (bưu chính viễn thông): 954,43 tỷ đồng đạt 33,72% kế hoạch.

2. Về nguồn vốn đầu tư: 18.287,91 tỷ đồng, bao gồm các nguồn vốn sau:

- Ngân sách các cấp : 3.928,8 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp chuyên ngành (điện, thông tin liên lạc, cấp nước), huy động B.O.T, doanh nghiệp, thành phần kinh tế khác: 14.359,12 tỷ đồng.

(Chi tiết xem bảng tổng hợp đính kèm).

II. Đánh giá kết quả thực hiện:

Qua 05 năm thực hiện Chương trình Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 2006 - 2010) đã mang lại đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được:

a) Hệ thống giao thông: Trong 05 năm thực hiện đầu tư hệ thống giao thông đã xây dựng hoàn thành trên 948,4 km đường các loại:

- Các tuyến đường giao thông của xã (xã, phường, thị trấn), liên xã do các huyện, thị xã và thành phố Biên Hòa đầu tư hoàn thành: Trên 531,8 km đường.

Việc đầu tư các dự án giao thông nói trên nhằm tăng cường hệ thống giao thông trong khu vực, giúp vận chuyển hàng hóa thuận lợi và phục vụ tốt an ninh - quốc phòng, giải quyết ách tắc giao thông.

b) Lĩnh vực cấp điện:

Ngành điện đã triển khai thực hiện cải tạo sửa chữa và xây dựng mới 689,907 km đường dây trung thế, 608,12 km đường dây hạ thế và cải tạo nâng cấp và xây dựng mới 725 trạm biến áp với tổng dung lượng 90,093 KVA; đồng thời thực hiện công tác lắp đặt điện kế cho các hộ dân và các đơn vị sử dụng điện, đến hết năm 2010 số hộ sử dụng điện toàn tỉnh đạt 99% (vượt mục tiêu nghị quyết).

Ngoài ra, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch I đã được đầu tư hoàn thành, công suất: 462,8 MW; tổng mức đầu tư: Khoảng 6.500 tỷ đồng, sản lượng điện trung bình năm khoảng 2,2 - 2,5 tỷ KWh.

c) Hệ thống cấp nước:

Trong các năm đã triển khai đầu tư thực hiện cấp nước sạch cho đô thị và nông thôn, đạt kết quả như sau:

- Đến hết năm 2010 cấp nước sạch cho khu vực đô thị đạt 98%, đối với khu vực nông thôn đạt 90% số hộ được sử dụng nước sạch.

- Các dự án cấp nước đã đầu tư 05 năm qua: Dự án cấp nước cho thị trấn huyện Định Quán, mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Vĩnh An và các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn: Dự án cấp nước xã Phú Lập, Phú Bình, Phú An, huyện Tân Phú; xã Hưng Lộc, Xuân Thiện, huyện Thống Nhất; xã Sông Trầu, xã Sông Thao, huyện Trảng Bom; xã Bình An, huyện Long Thành; xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc; Lang Minh, huyện Xuân Lộc.

- Hiện đang triển khai thực hiện các dự án cấp nước cho thị trấn các huyện Tân Phú, Trảng Bom; Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất.

d) Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải:

Các dự án đầu tư thoát nước đã triển khai thi công hoàn thành 06 dự án (thoát nước lũ ven thị xã Long Khánh, thoát nước khu công nghiệp và thị trấn Tân Phú, thoát nước Khu công nghiệp Tam Phước, thoát nước đường 25C huyện Nhơn Trạch, tiêu thoát nước Lò Rèn huyện Nhơn Trạch, thoát lũ suối Trầu) còn lại tập trung thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng gồm:

- Một số tuyến thoát nước thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Nhơn Trạch, gồm tuyến thoát nước dải cây xanh; tuyến thoát nước cuối đường số 02; đồng thời tập trung triển khai

hoàn tất hồ sơ và công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đủ điều kiện bố trí kế hoạch năm 2011 thực hiện một số tuyến có yêu cầu cấp bách để đầu nổi thoát nước các khu công nghiệp, các khu dân cư trên địa bàn huyện Nhơn Trạch. Phần còn lại của dự án tiếp tục đăng ký vốn ODA.

- Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa: Đã có dự án đầu tư được duyệt và đã được bố trí vào danh sách vốn ODA Nhật Bản (JICA) từ năm 2007. Dự kiến năm 2011 phía Nhật Bản sẽ ký hiệp định cho vay vốn đối với dự án.

- Xử lý nước thải tại các khu công nghiệp tập trung: Đến cuối năm 2010 có 19/21 khu công nghiệp đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Việc đầu tư dự án thoát nước và xử lý nước giải quyết tình trạng ngập úng cục bộ tại nhiều nơi trong khu vực, các trạm xử lý nước thải nhằm xử lý nước thải đảm bảo theo tiêu chuẩn khi xả vào các hệ thống sông suối nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

e) Hạ tầng khác:

Trong các năm qua đã triển khai thực hiện đầu tư các dự án xây dựng hoàn thành hạ tầng khu trung tâm huyện Thống Nhất, huyện Cẩm Mỹ; đầu tư hoàn thành dự án bãi rác sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại hợp vệ sinh Trảng Dài (giai đoạn 01), tiếp tục thực hiện giai đoạn 02 của dự án; triển khai thực hiện các dự án bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt hợp vệ sinh huyện Tân Phú; huyện Định Quán.

Việc đầu tư các dự án bãi rác sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại hợp vệ sinh đã giải quyết được vấn đề ô nhiễm môi trường, hạn chế tối đa các chất thải độc hại nhằm từng bước cải thiện môi trường sinh thái.

f) Đầu tư trên lĩnh vực bưu chính - viễn thông:

- Lĩnh vực bưu chính: Đã đầu tư nâng số đại lý bưu điện đến cuối 2010 là 56 bưu cục, 79 điểm bưu điện văn hóa xã và 273 đại lý bưu điện, 81 thùng thư, số bán kính phục vụ trung bình 1,96 km/điểm với số dân phục vụ trung bình là 5.161 người/điểm.

- Công tác viễn thông: Hiện nay mạng viễn thông đã được đổi mới bằng công nghệ IP và kết nối cáp quang, 131/136 xã vùng nông thôn đã được cáp quang hóa, cung cấp dịch vụ thông tin di động, internet băng thông rộng và truyền số liệu tốc độ cao. Mật độ thuê bao điện thoại di động đạt 119,82 máy/100 dân; mật độ thuê bao điện thoại cố định đạt 17,23 máy/100 dân, mật độ điện thoại là 137,05 máy/100 dân; tỷ lệ dân số sử dụng internet đạt 24,23%.

- Đầu tư công nghệ thông tin: Đến nay 11 đơn vị huyện, thị xã và thành phố Biên Hòa, các cơ quan sở, ban, ngành cấp tỉnh đều được trang bị mạng LAN. Kết nối mạng internet băng thông (ADSL) 100% các cơ quan hành chính trong tỉnh, đã hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng tại 90 cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Nhiều cơ quan ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý phát huy được hiệu quả cao.

2. Các hạn chế và nguyên nhân:

- Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước phần lớn là các dự án trong chương trình thuộc danh mục công trình khởi công mới, do đó dự án phải thực hiện bắt đầu từ khâu lập hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế kỹ thuật tổng dự toán và thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng nên mới đủ điều kiện để triển khai đấu thầu thi công. Trong đó nhiều dự án trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh tổng mức đầu tư, tổng dự toán nhiều lần do ảnh hưởng của tình hình biến động giá vật tư nguyên liệu, nhiên liệu, đồng thời nhiều dự án thực hiện chậm công tác bồi thường giải phóng mặt bằng cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chung của chương trình.

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh dành cho đầu tư hàng năm thấp nên việc cân đối vốn cho công trình không đáp ứng yêu cầu.

- Một số dự án có vốn đầu tư lớn đến nay chưa huy động được nguồn vốn đầu tư (dự án cầu đường qua Quận 9 Thành phố Hồ Chí Minh, đường vành đai huyện Nhơn Trạch nối từ giao cắt 25B ra QL 51, đường 25B, đường xuống khu công nghiệp Ông Kèo) hoặc phải tổ chức bồi thường với quy mô lớn làm kéo dài thời gian do chờ xây dựng khu tái định cư và làm các thủ tục liên quan (dự án đường Quốc lộ 01 đoạn tránh thành phố Biên Hòa, dự án đầu tư nâng cấp đường

2015/ĐC/VV 001068

ĐT 768, dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 01, đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây và các dự án xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp tại các địa phương trong tỉnh).

- Dự án sử dụng vốn ODA có vốn đầu tư lớn nhưng chưa triển khai thực hiện do phải thực hiện quy trình vốn ODA chờ cơ quan hỗ trợ ODA khảo sát, đánh giá (dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa đến nay...) Một số dự án khác (hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Nhơn Trạch) chưa xác định được nguồn vốn ODA.

B. Nội dung Chương trình Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2011 - 2015:

1. Mục tiêu chương trình:

Căn cứ nhiệm vụ đột phá giai đoạn 2011 - 2015 được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2011 - 2015 và Nghị quyết số 188/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh, một trong những nhiệm vụ đột phá của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 là “Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: Các tuyến giao thông kết nối vào các khu vực tập trung đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh, các tuyến giao thông kết nối các tuyến đường cao tốc; đồng thời phát triển hạ tầng nông thôn để phục vụ cho phát triển nông nghiệp nông thôn, đặc biệt các xã điểm nông thôn mới. Do vậy Chương trình Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015 được xây dựng để thực hiện nhiệm vụ nói trên nhằm đạt tới mục tiêu là nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

2. Phạm vi của chương trình:

Căn cứ nhiệm vụ đột phá giai đoạn 2011 - 2015 được xác định trong nghị quyết tỉnh Đảng bộ khóa IX và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch 05 năm 2011 - 2015 tỉnh Đồng Nai, Chương trình Phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2011 - 2015 được tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Giao thông.
- Cấp nước.

- Thoát nước và xử lý nước thải đô thị, dân cư.

3. Nội dung chương trình:

a) Đối với lĩnh vực giao thông:

Trên cơ sở mục tiêu của chương trình, tập trung đầu tư các dự án chuyển tiếp, các công trình trọng điểm: Các tuyến giao thông kết nối vào các khu vực tập trung đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh, các tuyến giao thông kết nối các tuyến đường cao tốc; đồng thời phát triển hạ tầng nông thôn để phục vụ cho phát triển nông nghiệp nông thôn, đặc biệt các xã điểm nông thôn mới.

b) Đối với lĩnh vực cấp nước:

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng nước sạch cho các khu công nghiệp, khu dân cư hiện hữu và theo quy hoạch, tiếp tục triển khai và đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng nhà máy cấp nước, các tuyến ống cấp nước và kêu gọi xã hội hóa các hệ thống cấp nước cho các khu dân cư, và chú trọng đầu tư hệ thống cấp nước cho nông thôn.

c) Đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải đô thị, dân cư:

Tập trung đầu tư các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị thuộc thành phố Biên Hòa. Một số tuyến thoát nước cấp bách thuộc địa bàn Nhơn Trạch để kết nối thoát nước từ các khu công nghiệp, khu dân cư và các dự án kết nối thoát nước thuộc các địa phương khác trong tỉnh.

4. Nhu cầu vốn đầu tư:

Tổng vốn của chương trình: 14.653 tỷ đồng.

Trong đó:

- Giao thông: Khoảng 11.230 tỷ đồng.
- Cấp nước: Khoảng 1.248 tỷ đồng.
- Thoát nước và xử lý nước thải đô thị, dân cư: Khoảng 2.175 tỷ đồng.

Dự kiến nguồn vốn đầu tư:

Do tổng nhu cầu vốn đầu tư quá lớn, cần phải huy động nhiều nguồn lực để đầu tư.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách cho đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 và tình hình đàm phán ký kết các hợp đồng ODA, chủ trương của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan, dự kiến nguồn vốn đầu tư cho Chương trình kết cấu hạ tầng giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

- Vốn ngân sách địa phương: Khoảng 6.530 tỷ đồng, trong đó UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu là 4.080 tỷ đồng và UBND cấp huyện trực tiếp giao chỉ tiêu là 2.450 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, vốn Trái phiếu Chính phủ: dự kiến khoảng 970 tỷ đồng.

- Vốn kêu gọi đầu tư BOT, BT: Khoảng 4.289 tỷ đồng.

- Vốn vận động doanh nghiệp đầu tư dự án kinh doanh, vốn vay: Khoảng 1.022 tỷ đồng.

- Vốn ODA: Khoảng 1.452 tỷ đồng.

- Vốn xã hội hóa: Khoảng 390 tỷ đồng.

(Chi tiết xem danh mục dự án đính kèm).

5. Giải pháp thực hiện:

- Về nguồn vốn đầu tư: Thực hiện theo các yêu cầu nói trên, từng năm căn cứ tình hình thực tế nguồn vốn, tiến độ thực hiện các dự án UBND tỉnh chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch, khi cần thiết kiến nghị tạm ứng ngân sách Trung ương hoặc vay kho bạc Nhà nước Trung ương để tập trung xử lý các dự án có nhu cầu cấp bách.

- Các chủ đầu tư chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan để làm việc với các Bộ, ngành Trung ương đề nghị hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ, hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để đầu tư một số dự án trên địa bàn.

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án thuộc Chương trình kết cấu hạ tầng bằng nhiều phương thức: BOT, BT, PPP.

- Tập trung vận động xã hội hóa để huy động thêm nguồn lực đầu tư giao thông nông thôn.

- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tập trung xây dựng các khu dân cư tái định cư nhằm phục vụ tốt cho các dự án có bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Việc cân đối vốn đầu tư hàng năm từ ngân sách phải có tập trung cho chương trình kết cấu hạ tầng để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đột phá.

- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tập trung vốn đầu tư cho dự án hạ tầng xã điểm nông thôn mới đảm bảo đến năm 2015 đạt mục tiêu hoàn thành 33 xã điểm.

6. Tổ chức thực hiện:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tổng hợp tình hình thực hiện đôn đốc chủ đầu tư thực hiện và giải ngân đúng tiến độ các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh.

- Tập trung công tác thẩm định hồ sơ dự án, kế hoạch đấu thầu đảm bảo chất lượng thời gian theo quy định.

- Tổng hợp danh mục dự án kêu gọi đầu tư, phối hợp các sở, ngành, các địa phương vận động doanh nghiệp đầu tư các dự án thuộc Chương trình kết cấu hạ tầng.

- Tiếp nhận và xử lý đúng thời gian quy định các hồ sơ liên quan đến nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ trì đề xuất các nội dung liên quan cân đối vốn kế hoạch hàng năm, điều hành thực hiện kế hoạch và đề xuất xử lý nguồn vốn trong các trường hợp cấp bách đối với dự án thuộc chương trình.

- Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện chương trình, giữa nhiệm kỳ có báo cáo sơ kết, đến năm 2015 báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chương trình. Tổng hợp đề xuất điều chỉnh nội dung chương trình khi cần thiết.

b) Sở Tài chính:

- Tập trung xem xét và hướng dẫn các đơn vị chủ đầu tư thực hiện tốt việc lập hồ sơ thanh quyết toán nhằm giải ngân kịp thời cho các công trình.

- Xử lý đúng thời gian quy định các nội dung liên quan thuộc trách nhiệm của Sở Tài chính.

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc cân đối vốn, đề xuất xử lý nguồn vốn đầu tư cho các dự án thuộc chương trình.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

Tập trung thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác thỏa thuận địa điểm các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, thẩm định phương án bồi thường tổng thể theo phân cấp, xử lý các hồ sơ đất đai, hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng đúng thời gian quy định.

d) Sở Xây dựng:

Tăng cường công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình. Thực hiện cấp giấy phép xây dựng, xử lý các hồ sơ liên quan đúng thời gian quy định. Đôn đốc thực hiện các dự án cấp thoát nước hoàn thành đúng tiến độ. Đề xuất huy động nguồn vốn ngoài ngân sách để bổ sung vốn đầu tư các dự án cấp, thoát nước.

e) Sở Giao thông vận tải:

- Tăng cường công tác quản lý ngành, quản lý chất lượng công trình thuộc ngành giao thông vận tải.

- Rà soát hồ sơ quy hoạch ngành theo quy định hiện hành. Đề xuất danh mục đầu tư huy động vốn từ các cá nhân, tổ chức theo quy định hiện hành. Chủ động kêu gọi đầu tư các dự án giao thông thuộc chương trình, đôn đốc thực hiện các dự án giao thông đúng tiến độ.

f) UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa: Cần tăng cường nhân lực cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, trong đó có chuẩn bị trước các khu tái định cư để bố trí cho hộ dân bị giải tỏa trắng. Thực hiện bố trí kế hoạch đầu tư và xây dựng hàng năm (phần vốn được phân cấp, hỗ trợ) đảm bảo tập trung mục

tiêu ưu tiên theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Chủ động vận động đầu tư xã hội hóa giao thông nông thôn và vận động huy động đầu tư BOT, BT các dự án giao thông thuộc cấp huyện quản lý. Chỉ đạo các dự án thuộc cấp huyện quản lý hoàn thành đúng tiến độ.

g) Các đơn vị chủ đầu tư:

- Chịu trách nhiệm chính trong triển khai các dự án thuộc chương trình đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư.

- Lựa chọn các đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm năng lực thật sự để lập hồ sơ nhằm hạn chế chỉnh sửa trong quá trình thẩm định.

- Đối với các dự án đã triển khai thi công: Thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện, tập trung đôn đốc nhà thầu thực hiện đảm bảo chất lượng và theo tiến độ hợp đồng. Thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

- Thực hiện báo cáo định kỳ đúng thời gian quy định.

h) Đơn vị khác liên quan: Trong quá trình thực hiện Chương trình Phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2011 - 2015, các đơn vị liên quan cần ưu tiên và tập trung phối hợp cùng chủ đầu tư xử lý kịp thời các công việc liên quan đảm bảo hoàn thành chương trình đề ra./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÃ

THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN NĂM 2006 - 2010

(Kèm Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Ngành	Tổng số (tỷ đồng)	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Doanh nghiệp chuyên ngành, doanh nghiệp, BOT, tư nhân	Vốn huy động	Vốn vay trong nước	Đơn vị tính: Tỷ đồng		
							Vốn ngân sách TW hỗ trợ	Vốn vay ODA	Tổng
Cấp nước	1.125,51	234,95		223,47	0,35	64,74		602,00	
Thoát nước	503,44	503,44							
Bưu chính viễn thông	954,43	145,63		776,80			32,00		
Điện	9.498,05			9.498,05					
Giao thông vận tải	3.762,08	1.783,89	863,57		295,71		818,91		
Hạ tầng khác	2.444,40	397,32		2.047,08					
Tổng số	18.287,91	3.065,23	863,57	12.545,40	296,06	64,74	850,91	602,00	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh mục dự án thuộc Chương trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2011 - 2015 tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm Chương trình duyệt tại Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

DVT: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức vốn đầu tư (dự kiến)	Nhu cầu vốn để thực hiện giai đoạn 2011 - 2015	Khả năng cân đối và huy động vốn						Chức đầu tư		
					Tổng số	Trong đó							
						Ngân sách tỉnh trực tiếp giao chủ tiêu	Ngân sách tỉnh phân cấp hỗ trợ cấp luyện trực tiếp giao chủ tiêu	Vốn để nghị TW hỗ trợ (vốn TPCP, hỗ trợ có mục tiêu)	Kêu gọi đầu tư BOT, BT	Vận động doanh nghiệp đầu tư dự án kinh doanh, vốn vay		Vốn ODA	Vốn xã hội hóa giao thông nông thôn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng		51.166.770	25.186.511	14.632.927	4.080.000	2.450.000	970.000	4.288.750	1.022.177	1.452.000	390.000	
A	Dự án giao thông		36.707.772	18.437.689	11.229.927	2.742.000	2.320.000	970.000	4.288.750	519.177	0	390.000	
I	Dự án giao thông		29.637.772	11.387.689	8.789.927	2.742.000	270.000	970.000	4.288.750	519.177	0	0	
I	Dự án xây dựng Quốc lộ 1A, đoạn tránh thành phố Biển Hòa theo hình thức BOT	BH	641.750	641.750	641.750				641.750				Công ty Cổ phần đầu tư Đồng Thụ

2	Cầu Hòa An (đầu tư theo phương thức BT vốn TW hỗ trợ xây dựng phần cầu chính, ngân sách tỉnh chi phần bồi thường giải phóng mặt bằng)	BH	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	470.000	705.000					Tổng Công ty Sonadezi
3	Nâng cấp mở rộng đường Bùi Văn Hòa (QL 15 nội dài đoạn từ nút giao Tam Hiệp đến ngã ba Quốc lộ 51) thành phố Biên Hòa (đề nghị đầu tư BOT)	BH	830.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000		200.000					UBND TP. Biên Hòa
4	Cầu Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh hỗ trợ phần xây lắp theo giá trị trúng thầu)	BH	88.000	88.000	88.000	88.000	40.000	48.000							UBND TP. Biên Hòa
5	Đường trục trung tâm ngã 3 Vườn Mít - Sông Cài	BH	125.410	125.410	70.000	70.000				70.000					UBND TP. Biên Hòa
6	Nút giao thông Vườn Mít	BH	214.466	100.000	0	0									UBND TP. Biên Hòa
7	Đường ven Sông Cài từ QL1 - Trần Quốc Toàn	BH	600.000	600.000	200.000	200.000				200.000					UBND TP. Biên Hòa
8	Xây dựng cầu An Hào	BH	700.000	200.000	70.000	20.000				50.000					Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
9	Đường Ruộng Tre - Thọ An	LK	31.742	15.000	15.000	15.000									UBND thị xã Long Khánh

10	Đường liên cảng huyện NT (xin vốn TV/ hỗ trợ)	NT	2.925.000	1.200.000	600.000	100.000	500.000						Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
11	Cầu đường từ Quận 9, TP. Hồ Chí Minh qua huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	NT	15.000.000	1.000.000	500.000		500.000						
12	Cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 25A (ĐT 769, đoạn từ Bến phà Cát Lái đến ngã 3 Quốc lộ 51)	NT	334.900	221.374	221.000	221.000							Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
13	Đầu tư mở rộng đường 25B huyện Nhơn Trạch	NT	955.056	955.056	500.000		500.000						
14	Nâng cấp mở rộng đường 25C	NT	572.651	572.561	570.000	570.000							Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
15	Đường 319B qua KCN Nhơn Trạch (ngân sách cấp 70%, 30% vốn đóng góp của doanh nghiệp)	NT	297.255	124.113	124.177	31.000					89.177		Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
16	Cầu Phước Lý	NT	15.148	15.000	15.000	15.000							Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
17	Đường vào KCN Long Đức huyện Long Thành (vốn huyện đã chi 2010)	LT	53.349	53.349	25.000	20.000					5.000		UBND H. Long Thành
18	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo	NT	936.713	300.000	100.000						100.000		UBND H. Nhơn Trạch
19	Đường và cầu Long Tân (vào khu đại học)	NT	180.000	180.000	180.000	75.000				80.000	25.000		UBND H. Nhơn Trạch

20	Đường Long Thọ I	NT	111.128	111.128	100.000	100.000	100.000											UBND H. Nhơn Trạch
21	Đường 25C nối từ 319B xuống xã Vĩnh Thanh (vốn huy động)	NT	572.651	520.000	520.000	520.000	520.000				520.000							
22	Cầu và đường Phú Tân - Phú Đông	NT	128.542	70.000	70.000	40.000	40.000									30.000		UBND H. Nhơn Trạch
23	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (từ Hương lộ 10 đến ĐT 769)	CM	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000											Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
24	Cải tạo ĐT 764 đoạn từ Km 12+887 đến Km 14+860	CM	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000											Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
25	Tuyến đường liên huyện Xuân Định ở Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	CM	57.556	57.556	57.000	57.000	57.000											Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
26	Đầu tư HL 10 đoạn từ ranh giới huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường tỉnh 769 và đoạn từ Trung tâm huyện Cẩm Mỹ đến QL1 (dự kiến đề xuất đầu tư BOT)	CM	726.000	726.000	615.000	615.000	615.000											
27	Đường N6 nối dài khu trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ	CM	60.000	40.000	40.000	40.000	40.000											UBND H. Cẩm Mỹ
28	Nâng cấp mở rộng tuyến đường song song QL 56 đoạn qua xã Long Giao	CM	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000											UBND H. Cẩm Mỹ

29	Đường D29, D30, D31 trong khu trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ	CM	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	UBND H. Cẩm Mỹ
30	Đường song hành QL 56 đoạn qua xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ	CM	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	UBND H. Cẩm Mỹ
31	Nâng cấp đường Hiếu Liêm đoạn từ cầu số 01 đến cầu số 03 huyện Vĩnh Cửu	VC	10.053	10.053	10.053	10.053	10.053	10.053	10.053	10.053	10.053	10.053	Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
32	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 767 và cầu Vĩnh An đoạn qua TT thị trấn Vĩnh An	VC	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	UBND H. Vĩnh Cửu
33	Dự án BOT đường ĐT 768 (vốn huy động và vốn ngân sách)	VC	889.000	864.000	864.000	864.000	864.000	864.000	864.000	307.000	557.000	307.000	Cty Sonadezi Châu Đức
34	Đường Hồ Nai 4 - Trại An (xây dựng đoạn đá bồi thường và tiếp tục bồi thường đoạn còn lại)	VC-TB	133.538	133.538	133.538	133.538	133.538	133.538	133.538	133.538	133.538	133.538	Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
35	Đường liên huyện Vĩnh Cửu - Trảng Bom	VC-TB	207.544	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
36	Cải tạo nâng cấp DT 765 (Km 5+500 đến Km 10+000) H. Xuân Lộc	XL	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
37	Đường song hành QL 1A huyện Xuân Lộc	XL	96.519	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	UBND huyện Xuân Lộc

38	Đường Xuân Bắc - Suối Cao - Xuân Thanh, huyện Xuân Lộc (gồm 04 cầu và các hạng mục đường, nương công từ điểm đầu đến cuối đến Km 9+000)	XL	108.658	108.658	100.000	50.000	50.000				UBND huyện Xuân Lộc
39	Cải tạo Hương lộ 10 đoạn từ Km 11+744 đến Km 19+040	XL	11.814	11.814	11.000	11.000	11.000				Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
40	Nâng cấp đường Hương Lộ - xã Lộ 25, huyện Thống Nhất	TN	32.145	32.145	32.000	15.000	17.000				UBND H. Thống Nhất
41	Đường 600A huyện Tân Phú	TP	105.000	105.000	105.000	105.000					UBND huyện Tân Phú
42	Đường Phú Xuân - Núi Tượng, huyện Tân Phú (ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí xây lắp, phần còn lại thanh toán từ vốn ngân sách huyện)	TP	85.000	85.000	85.000	45.000	40.000				UBND huyện Tân Phú
43	Đường vào xã Thanh Sơn, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh thanh toán phần chi phí xây lắp, phần còn lại đầu tư từ ngân sách huyện)	ĐQ	58.798	58.798	65.000	40.000	25.000				UBND H. Định Quán
44	Đường vào trung tâm xã Ngọc Định, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh thanh toán phần chi	ĐQ	27.386	27.386	28.000	18.000	10.000				UBND H. Định Quán